

Bản án số: 301/2024/DS-PT

Ngày: 28-5-2024

V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Bà Nguyễn Thị Rèn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2023/DS – ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3556/2023/QĐ – PT ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: số nhà A, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H: Ông Lý Văn T, sinh năm 1965. Địa chỉ: số nhà A, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

1.2. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1954;

Địa chỉ: số nhà A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.3. Bà Ngô Thị L1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: số nhà G, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.4. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số nhà A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị L1, bà Ngô Thị N, bà Ngô Thị L: Ông Võ Văn C, sinh năm 1968. Địa chỉ: số nhà G, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977.
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1978;

3.2. Chị Phạm Thị Lệ V, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: số nhà B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Trần Văn T2, chị Phạm Thị Lệ V: Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1957. Địa chỉ: số nhà I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3.3. Chị Ngô Thị Diệu H2, sinh năm 1980;

Địa chỉ: số nhà I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3.4. Bà Phan Thị T3, sinh năm 1964 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

3.5. Anh Ngô Văn P, sinh năm 1993 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

3.6. Anh Ngô Văn T4, sinh năm 1994 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

3.7. Anh Ngô Văn D, sinh năm 1997 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số nhà A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3.8. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Công T5 – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.9. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954 (từ chối tham gia tố tụng);

Địa chỉ: số nhà C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3.10. Bà Huỳnh Thị T6, sinh năm 1946 (từ chối tham gia tố tụng);

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3.11. Ông Hồ Văn T7, sinh năm 1955 (từ chối tham gia tố tụng);

3.12. Chị Hồ Thị Bích H3, sinh năm 1980 (từ chối tham gia tố tụng);

3.13. Anh Hồ Văn T8, sinh năm 1988; (từ chối tham gia tố tụng);

3.14. Chị Hồ Thị Hạnh E, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: số nhà A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hồ Thị Hạnh E: Ông Võ Văn C, sinh năm 1968. Địa chỉ: số nhà G, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: bị đơn bà Ngô Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, các nguyên đơn bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị L1, bà Ngô Thị N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của các nguyên đơn là cụ Ngô Văn D1 (chết ngày 04/11/1992) và cụ Nguyễn Thị H4 (chết ngày 28/12/2018) có 06 người con chung gồm: các ông (bà) Ngô Thị L, Ngô Thị H1, Ngô Thị H, Ngô Văn Y (đã chết ngày 17/4/2019), Ngô Thị L1, Ngô Thị N; hai cụ không có con riêng, con nuôi nào khác.

Khi còn sống cụ H4 và cụ D1 có tạo lập được tài sản chung là: thửa 1458, diện tích 300m² đất ở tại nông thôn và thửa 1459, diện tích 1.018m² đất giồng, cùng tờ bản đồ 04, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Hai thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ 299 cho hộ cụ Nguyễn Thị H4 vào ngày 04/5/2004, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ cụ H4 gồm có cụ H4 và chị Ngô Thị Diệu H2. Năm 2012, cụ H4 được Ủy ban nhân dân xã T cấp cho một căn nhà tình thương (theo diện 290) xây dựng trên một phần thửa 1458, tờ bản đồ số 04 (theo đo đạc thực tế ký hiệu thửa 211c, tờ bản đồ 30), cụ H4 sống tại căn nhà tình thương đến khi chết. Chị Ngô Thị Diệu H2 (con của bà H) là người thường xuyên đến chăm sóc cụ H4.

Năm 2015, do cụ H4 bị bệnh nặng và lớn tuổi nên bà Ngô Thị H1 đã thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất thửa 1458, 1459 từ cụ H4 sang cho bà H1 và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 211, tờ bản đồ 30, diện tích 1102,4m² (thửa mới theo đo đạc Vlap) vào ngày 25/11/2015.

Sau khi cụ D1 chết, cụ H4 tặng cho bà H1 quyền sử dụng đất thửa 211 là tài sản chung của hai cụ nhưng các con của hai cụ không ký tên vào hợp đồng tặng cho nên việc bà H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không hợp pháp. Hiện tại trên thửa 211 có hai ngôi nhà gồm: nhà của anh Trần Văn T2 và chị Phạm Thị Lệ V (con trai, con dâu của bà H1), nhà tình thương của cụ H4 do chị Ngô Thị Diệu H2 sử dụng.

Cụ D1 và cụ H4 chết không để lại di chúc, nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ H4 và cụ D1 là quyền sử dụng đất thửa 211. Các nguyên đơn được chia chung phần đất có diện tích 617,2m² [gồm các thửa có ký

hiệu: 211c diện tích 86,7m² (vị trí có ngôi nhà của cụ H4), 211d diện tích 513,9m², 211e diện tích 16,6m² (vị trí mộ của cụ H4)], thuộc một phần thửa 211, tờ bản đồ 30, tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Nếu yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận thì các nguyên đơn đồng ý cho chị Diệu H2 được tiếp tục sinh sống tại ngôi nhà của cụ H4 (ký hiệu 211, diện tích 86,7m²).

Các nguyên đơn đồng ý để bà H1 được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 445,1m² (ký hiệu các thửa: 211a diện tích 130,9m², 211b diện tích 314,2m²) thuộc một phần thửa 211 và không có ý kiến về việc bà H1 cho anh Trần Văn T2 (con của bà H1) tiếp tục sinh sống trên thửa 211a có diện tích 130,9m². Các nguyên đơn không ngăn cản các con, cháu của cụ H4 đến thăm viếng, tảo mộ theo phong tục tập quán.

Các nguyên đơn rút yêu cầu về huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Ngô Thị H1 ngày 25/11/2015 đối với thửa 211, tờ bản đồ 30, diện tích 1102,4m², tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đối với một phần thửa 211 (ký hiệu các thửa 211h diện tích 5,8m², 211i diện tích 15,8m², 221f diện tích 6,5m², 211g diện tích 5,8m², 211j diện tích 6,2m², 212a diện tích 2,4m², 210a diện tích 8,5m², 119a diện tích 5,6m², 321b diện tích 9,9m²) gồm một phần diện tích đường giao thông, một phần diện tích chỉ qua ranh đất của người khác và một phần diện tích thống nhất do người khác quản lý, sử dụng nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Ngô Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà H1 thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống gia đình và nguồn gốc của phần đất đang tranh chấp.

Năm 2005, cụ H4 đã tặng cho bà H1 toàn bộ tài sản là các thửa 1458, thửa 1459 và ngôi nhà tình thương trên đất, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre vì bà có công nuôi dưỡng, chăm sóc cụ H4. Ngày 25/11/2015, bà H1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 211, tờ bản đồ số 30 (thửa mới theo đo đạc Vlap) đúng theo quy định của pháp luật; khi bà được tặng cho cũng như quá trình bà quản lý sử dụng đất không có ai tranh chấp. Vì vậy, yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là không có căn cứ, bà không đồng ý chia cho các nguyên đơn phần đất có diện tích 617,2m² [gồm các thửa có ký hiệu: 211c diện tích 86,7m² (vị trí có ngôi nhà của cụ H4), 211d diện tích 513,9m², 211e diện tích 16,6m² (vị trí mộ của cụ H4)], thuộc một phần thửa 211, tờ bản đồ 30, tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Do cụ H4 bệnh nên các con cháu về nhà cụ luân phiên chăm sóc; sau khi cụ H4 chết chị Ngô Thị Diệu H2 vẫn tiếp tục sống tại ngôi nhà tình thương. Nay bà H1 yêu cầu chị H2 phải rời khỏi ngôi nhà tình thương trên phần đất có diện tích 86,7m² (ký hiệu thửa 211c) mà cụ H4 đã tặng cho bà. Việc anh Trần Văn T2 là con của bà xây nhà ở trên phần đất trên diện tích 130,9m² (ký hiệu thửa 211a) thì bà H1 đồng ý cho anh T2 được tiếp tục sử dụng đất, không tranh chấp.

Đối với một phần thửa 211 (ký hiệu các thửa 211h diện tích 5,8m², 211i diện tích 15,8m², 221f diện tích 6,5m², 211g diện tích 5,8m², 211j diện tích 6,2m², 212a diện tích 2,4m², 210a diện tích 8,5m², 119a diện tích 5,6m², 321b diện tích 9,9m²) gồm một phần diện tích đường giao thông, một phần diện tích chỉ qua ranh đất của người khác và một phần diện tích thống nhất do người khác quản lý, sử dụng nên bà không yêu cầu xem xét giải quyết.

Quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T2, Phạm Thị Lệ V trình bày:

Hiện nay ông T2, bà V có xây dựng nhà ở trên phần đất diện tích 130,9m² (ký hiệu thửa 211a) thuộc một phần thửa 211, tờ bản đồ số 30. Do bà H1 đồng ý cho ông bà tiếp tục sinh sống trên diện tích đất nêu trên nên ông bà không có ý kiến.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T3, anh Ngô Văn P, anh Ngô Văn T4, anh Ngô Văn D (là vợ và con của ông Ngô Văn Y) trình bày:

Khi cụ Nguyễn Thị H4 còn sống có canh tác, sử dụng 02 thửa đất gồm thửa 1458, diện tích 300m² đất ở tại nông thôn và thửa 1459, diện tích 1.018m² đất giồng, cùng tờ bản đồ 04, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Hiện nay, ông Ngô Văn Y là con cụ H4 và cụ D1 đã chết, vợ và con của ông Y không yêu cầu tranh chấp chia di sản thừa kế đối với di sản của cụ D1, cụ H4 chết để lại.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Diệu H2 trình bày:

Chị H2 là cháu ngoại của cụ Nguyễn Thị H4 (là con của bà Ngô Thị H), chị sống chung và chăm sóc cụ H4. Sau khi cụ H4 chết thì chị tiếp tục sống tại ngôi nhà của cụ H4 trên phần đất có diện tích 86,7m² (ký hiệu thửa 211c) thuộc một phần thửa 211. Nếu yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn được chấp nhận và các nguyên đơn đồng ý cho chị được tiếp tục sinh sống tại ngôi nhà của cụ H4 để thờ cúng ông bà thì chị không có ý kiến.

Chị đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với một phần thửa 211 (ký hiệu các thửa 211h diện tích 5,8m², 211i

diện tích 15,8m², 221f diện tích 6,5m², 211g diện tích 5,8m², 211j diện tích 6,2m², 212a diện tích 2,4m², 210a diện tích 8,5m², 119a diện tích 5,6m², 321b diện tích 9,9m²) gồm một phần diện tích đường giao thông, một phần diện tích chỉ qua ranh đất của người khác và một phần diện tích thống nhất do người khác quản lý, sử dụng.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Tại Văn bản số 442/UBND-NC ngày 05/7/2021, Ủy ban nhân dân huyện T xác định quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 211, tờ bản đồ 30, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre cho bà Ngô Thị H1 đúng quy định pháp luật; đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết.

Các đương sự thống nhất với kết quả đo đạc theo hoá đồ ngày 03/6/2021, định giá ngày 13/4/2021; không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Các nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ chi phí tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2023/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế của các nguyên đơn bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị L1, bà Ngô Thị H, Ngô Thị N đối với bị đơn bà Ngô Thị H1.

1. Buộc bà Ngô Thị H1 có nghĩa vụ chia cho Ngô Thị L, Ngô Thị L1, Ngô Thị H, Ngô Thị N phần đất thuộc một phần thửa đất số 211 có diện tích 617,2m² (ký hiệu các thửa: 211c có diện tích 86,7m²; 211d có diện tích 513,9m²; 211e có diện tích 16,6m²), tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên đất.

Ghi nhận các nguyên đơn đồng ý cho chị Ngô Thị Diệu H2 được tiếp tục ở trên căn nhà của cụ H4 thuộc một phần thửa 211 (ký hiệu 211c) có diện tích 86,7m² tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Các nguyên đơn đồng ý không ngăn cản các con, cháu của cụ Nguyễn Thị H4 đến thăm viếng, tảo mộ theo phong tục tập quán.

2. Bà Ngô Thị H1 được chia phần đất có diện tích 445,1m² thuộc một phần thửa đất số 211 (ký hiệu các thửa: 211a có diện tích 130,9m²; 211b có diện tích 314,2m²), tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên đất.

(Có họa đồ hiện trạng kèm theo).

Kiến nghị đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự phù hợp với diện tích theo bản án đã tuyên khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi thành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/8/2023, bị đơn bà Ngô Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/11/2023, các đương sự trình bày ngoài 06 người con chung như đã trình bày tại cấp sơ thẩm cụ Ngô Văn D1 và cụ Nguyễn Thị H4 còn có 01 người con chung là bà Ngô Thị C1, cụ D1 có 01 người con riêng tên Nguyễn Thị M, cụ H4 có 01 người con riêng tên Huỳnh Thị T6. Do bà C1 đã chết, bà M và bà T6 có gia đình riêng, không tranh chấp đối với di sản của hai cụ để lại nên tại cấp sơ thẩm các đương sự không cung cấp thông tin của những người này.

Bị đơn bà Ngô Thị H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị H1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.062,3m² thuộc thửa đất 211, tờ bản đồ số 30, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị H1 trước đây là thửa 1458, diện tích 300m² (đất ở nông thôn) và thửa 1459, diện tích 1.018m² (đất giồng), cùng tờ bản đồ số 04 có nguồn gốc là tài sản chung của cụ Ngô Văn D1 và cụ Nguyễn Thị H4 nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hàng thừa kế: tại cấp sơ thẩm các đương sự thống nhất cụ Ngô Văn D1 và cụ Nguyễn Thị H4 có 06 người con chung là các ông (bà) Ngô Thị L, Ngô Thị H1, Ngô Thị H, Ngô Văn Y (đã chết ngày 17/4/2019), Ngô Thị L1, Ngô Thị N, hai cụ không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Cha mẹ của hai cụ đều đã chết trước. Vợ và các con của ông Ngô Văn Y là bà Phan Thị T3, anh Ngô Văn P, anh Ngô Văn T4, anh Ngô Văn D không tranh chấp đối với di sản của cụ H4, cụ D1.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/11/2023, nguyên đơn và bị đơn trình bày cụ H4 và cụ D1 ngoài 06 người con chung nêu trên còn có 01 người con chung là bà Ngô Thị C1, cụ D1 có 1 người con riêng tên Nguyễn Thị M, cụ H4 có 1 người con riêng tên Huỳnh Thị T6. Bà C1 đã chết vào năm 2007, có chồng con là ông Hồ Văn T7, chị Hồ Thị Bích H3, chị Hồ Thị Hạnh E, anh Hồ Văn T8. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H4, cụ D1 và không đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, qua xác minh làm việc, bà M, bà T6, chồng con của bà C1 đều khẳng định không tranh chấp đối với di sản cụ H4, cụ D1 để lại, từ chối nhận di sản thừa kế trong vụ án này.

Do đó, cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm 05 người là Ngô Thị L, Ngô Thị H1, Ngô Thị H, Ngô Thị L1, Ngô Thị N không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người thuộc hàng thừa kế của cụ H4, cụ D1 nêu trên nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với nội dung này.

[3] Về di sản thừa kế:

Bà Ngô Thị H1 trình bày phần đất tranh chấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Thị H4 vào ngày 04/5/2004. Năm 2005, cụ H4 tặng cho bà H1 toàn bộ tài sản là nhà và đất vì bà có công nuôi dưỡng chăm sóc cụ H4; đến năm 2015, bà được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật và bà đã sử dụng đất ổn định không ai tranh chấp. Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn chia thừa kế di sản của cụ D1 và cụ H4 cho các nguyên đơn nhận chung phần đất có diện tích 617,2m² (gồm các thửa 211c có diện tích 86,7m² là ngôi nhà của cụ H4 do bà Ngô Thị Diệu H2 quản lý; thửa 211d có diện tích 513,9m²; thửa 211e có diện tích 16,6m² là phần mộ của cụ H4) thuộc một phần thửa 211.

Theo quy định tại Điều 467 Bộ luật Dân sự năm 2005:

“1. Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu.

2. Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký; nếu bất động sản không phải đăng ký quyền sở hữu thì hợp đồng tặng cho có hiệu lực kể từ thời điểm chuyển giao tài sản.”

Tuy nhiên, theo Văn bản số: 2442/UBND-NC ngày 05/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T thể hiện bà H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015 trên cơ sở được cụ Nguyễn Thị H4 tặng cho từ năm 2005, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có một đơn xin xác nhận về việc tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 13/10/2015 của cụ H4. Như vậy, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 không có hợp đồng tặng cho phần đất tranh chấp được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật.

Đồng thời, thửa đất tranh chấp là tài sản chung của cụ H4 và cụ D1; cụ D1 chết năm 1992, cụ H4 tiếp tục quản lý sử dụng đất trong đó có $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp là di sản của cụ D1. Cụ H4 chỉ có quyền định đoạt đối với phần diện tích cụ được hưởng trong khối tài sản chung và phần diện tích được nhận thừa kế từ cụ D1; các con của hai cụ được quyền hưởng thừa kế di sản của cụ D1. Cụ H4 không có quyền tặng cho bà H1 toàn bộ diện tích đất tranh chấp nếu không có sự đồng ý của các đồng thừa kế khác. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1 không có văn bản thể hiện ý kiến của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ D1 thống nhất tặng cho bà H1 quyền sử dụng đất tranh chấp.

Mặt khác, đối với đơn xin xác nhận về việc tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 13/10/2015 của cụ Nguyễn Thị H4 thì Ủy ban nhân dân xã T chỉ xác nhận “nội dung và chữ ký của trưởng ấp là đúng” không thể hiện Ủy ban nhân dân xã có chứng kiến và xác nhận cụ H4 có điểm chỉ trước mặt người chứng thực không.

Như vậy, bà H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 211 trên cơ sở được tặng cho quyền sử dụng đất là không đúng quy định pháp luật về hình thức và nội dung. Do đó, có cơ sở xác định thửa 211, tờ bản đồ số 30, diện tích theo đo đạc thực tế 1.062,3m² là di sản thừa kế của cụ H4 và cụ D1. Hai cụ chết không để lại di chúc, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản theo pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Như đã nhận định trên, hàng thừa kế của cụ H4 và cụ D1 gồm có 05 người, mỗi người được nhận một kỹ phần bằng nhau tương đương phần đất có diện tích 1.062,3m² : 5 = 212,46m². Tổng kỹ phần các nguyên đơn được chia là 212,46m² x 4

= 849,84m². Các nguyên đơn yêu cầu được nhận chung phần đất có diện tích 617,2m² (gồm các thửa 211c có diện tích 86,7m² là ngôi nhà của cụ H4 do bà Ngô Thị Diệu H2 quản lý; thửa 211d có diện tích 513,9m²; thửa 211e có diện tích 16,6m² là phần mộ của cụ H4) là không vượt quá kỹ phần được nhận. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Bà H1 phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Hồng

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2023/DS – ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 609, 611, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; các điều 202, 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị L1, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị N đối với bị đơn bà Ngô Thị H1 về tranh chấp thừa kế tài sản.

1. 1. Buộc bà Ngô Thị H1 có nghĩa vụ chia cho bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị L1, bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị N nhận chung phần đất có diện tích 617,2m² (ký hiệu các thửa: 211c có diện tích 86,7m²; 211d có diện tích 513,9m²; 211e có diện tích 16,6m²) thuộc một phần thửa 211, tờ bản đồ số 30, tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên đất.

Ghi nhận các nguyên đơn đồng ý cho chị Ngô Thị Diệu H2 được tiếp tục sinh sống tại ngôi nhà của cụ Nguyễn Thị H4 có diện tích 86,7m² ký hiệu thửa 211c,

thuộc một phần thửa 211, tờ bản đồ số 30, tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Các nguyên đơn đồng ý không ngăn cản các con, cháu của cụ Nguyễn Thị H4 và cụ Ngô Văn D1 đến thăm viếng, tảo mộ theo phong tục tập quán.

1.2. Bà Ngô Thị H1 được chia phần đất có diện tích 445,1m² (ký hiệu các thửa: 211a có diện tích 130,9m²; 211b có diện tích 314,2m²) thuộc một phần thửa 211, tờ bản đồ số 30, tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên đất.

(Có họa đồ hiện trạng kèm theo).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung quyết định của bản án này.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ phần quyết định của bản án điều chỉnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 211, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre để cấp lại cho các đương sự khi có yêu cầu.

2. Về chi phí tố tụng: các nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị L, Ngô Thị H, Ngô Thị H1 được miễn nộp án phí.

Bà Ngô Thị L1 phải nộp 1.161.250 đồng (một triệu một trăm sáu mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0005581 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Bà L1 còn phải nộp 861.250 đồng (tám trăm sáu mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Bà Ngô Thị N phải nộp 1.161.250 đồng (một triệu một trăm sáu mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0005582 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Bà N còn phải nộp 861.250 đồng (tám trăm sáu mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

4. Về án phí phúc thẩm: bà Ngô Thị L được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi Cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Phòng KTNV và THA; hg
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt